

THÀNH PHẦN LOÀI HỌ CHUỘT (MURIDAE) Ở THÀNH PHỐ SƠN LA, TỈNH SƠN LA

Phạm Văn Nhã¹, Đoàn Khánh Duy²

¹Trường Đại học Tây Bắc

²Trường THPT Tô Hiệu, TP Sơn La, tỉnh Sơn La

Tóm tắt: Qua 14 đợt khảo sát thực địa ở 23 bản thuộc 5 xã, 7 phường thuộc thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La từ tháng 12/2016 đến tháng 11/2017, chúng tôi đã thu thập được 263 mẫu vật của 14 loài và phân loài thuộc 6 giống, họ chuột (Muridae), bộ Gặm nhấm (Rodentia). Trong đó bổ sung 7 loài và phân loài cho thành phố. Đáng chú ý có một số loài hiếm gặp như: *Bandicota indica sonlaensis*, *B. phuyenensis* (*). Bên cạnh đó chúng tôi còn cung cấp một số đặc điểm về phân bố theo sinh cảnh và nơi ở của các loài chuột ở khu vực này.

Từ khóa: Đa dạng, phân bố, chuột, thành phố Sơn La.

MỞ ĐẦU

Thành phố Sơn La có tọa độ địa lý từ 21⁰15' - 21⁰31' vĩ độ Bắc và 103⁰45' - 104⁰00' kinh độ Đông, cách Hà Nội 320 km về phía Tây Bắc. Phía Tây và phía Bắc giáp huyện Thuận Châu, phía Đông bắc giáp huyện Mường La, phía Nam giáp huyện Mai Sơn. Quốc lộ 6 đi qua thành phố, nối thành phố với tỉnh Điện Biên Phủ và tỉnh Hòa Bình^[12,16].

Tổng diện tích thành phố 323.51km²; dân số: 104.4 nghìn người, có 7 phường (Chiềng An, Chiềng Cơi, Chiềng Lê, Chiềng Sinh, Quyết Tâm, Quyết Thắng, Tô Hiệu) và 5 xã (Chiềng Cọ, Chiềng Đen, Chiềng Ngần, Chiềng Xôm, Hua La). Độ cao bình quân từ 600 - 700m so với mực nước biển. Địa hình chia cắt phức tạp, núi đá cao xen lẫn đồi, thung lũng, lòng chảo. Diện tích đất canh tác nhỏ hẹp, thế đất dốc dưới 250m chiếm tỷ lệ thấp. Một số khu vực có các phiêng bãi tương đối bằng phẳng thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp, tập trung ở các xã Chiềng Ngần, Chiềng Đen, Chiềng Xôm và phường Chiềng Sinh^[16].

Các nghiên cứu về thú hoang dã nói chung và họ chuột nói riêng ở thành phố Sơn La chưa nhiều, có thể kể: Năm 1995, Đặng Huy Huỳnh và cộng sự, *khảo sát thú rừng nghèo kiệt Chiềng Sinh*, công bố 18 loài Thú^[6]. Năm 2008, nhóm sinh viên khoa Sinh - Hoá, trường Đại học Tây Bắc gồm: Nguyễn Đức Dũng, Bùi Đức Hà, Bùi Văn Xương *nghiên cứu thành phần loài chuột xã Chiềng Ngần*, công bố 07 loài và phân loài^[3]. Năm 2010, Vũ Thị Êm *Tìm hiểu sự phân bố của nhóm chuột bukit ở các sinh cảnh thuộc xã Chiềng Bôm, huyện Thuận Châu, Tỉnh Sơn La*^[4], công bố 03 phân loài chuột bukit. Năm 2010, Bạc Cẩm May *Tìm hiểu sự phân bố của loài chuột *Bandicota indica sonlaensis* ở các sinh cảnh thuộc xã Chiềng Bôm, huyện Thuận Châu, Tỉnh Sơn La*^[8]. Đáng lưu ý là các nghiên cứu trên chưa mô tả chi tiết về đặc điểm hình thái các loài chuột, cũng như sự phân bố, tầm quan trọng và tác hại cụ thể do mỗi loài gây ra đối với hệ sinh thái nói chung và sản xuất nông nghiệp của người dân nói riêng.

Ngày nhận bài: 28/11/2018. Ngày nhận đăng: 11/06/2019.

Liên lạc: Phạm Văn Nhã - email: phamvannhadhtb@utb.edu.vn

Dựa vào kết quả khảo sát thực địa trong năm 2017, chúng tôi đưa ra danh sách thành phần loài và thảo luận về đặc điểm phân bố, tầm quan trọng và tác hại của khu hệ chuột ở thành phố Sơn La.

1. NGUYÊN LIỆU, THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

1.1. Nguyên liệu

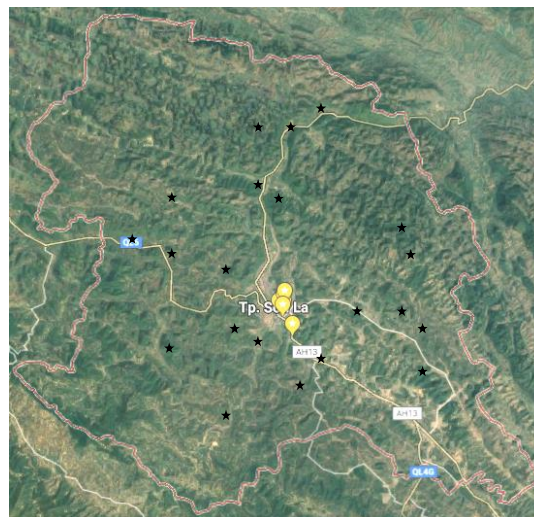
Đã phân tích 263 mẫu vật các loài chuột thu được ở khu vực Thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La. Các mẫu vật hiện được lưu giữ tại Khoa Sinh - Hóa, Trường Đại học Tây Bắc.

1.2. Thời gian và địa điểm nghiên cứu

Công việc khảo sát và nghiên cứu được triển khai trong thời gian 11 tháng (từ 12/2016 đến 11/2017). Đã tiến hành 14 đợt thực địa chính với tổng số trên 70 ngày khảo sát trong các tháng 12/2016, 1,2,3,4,5,9 và 11/2017 trên địa bàn các phường, xã, bản thuộc khu vực nghiên cứu (KVNC) ở các dạng sinh cảnh chính là: Rừng phục hồi trên các núi đá vôi, rừng phục hồi trên núi đất, các khu vực rừng chuyên tiếp giữa khu canh tác nông nghiệp và rừng phục hồi, thảm thực vật tái phục hồi lại sau canh tác hoặc đã bị khai thác nhiều chỉ còn lại cây gỗ nhỏ và cây bụi, khu dân cư và đất trồng cây nông nghiệp: đồng ruộng, nương rẫy, vườn nhà^[15]. Các tuyến khảo sát được thiết lập dọc theo đường mòn trong rừng, các nương rẫy, trồng cỏ cây bụi, hang và đồng ruộng.



Hình 1. Bản đồ hành chính tỉnh Sơn La



Hình 2. Sơ đồ địa điểm thu mẫu

KVNC

(Ghi chú: * là địa điểm thu mẫu)

1.3. Phương pháp nghiên cứu

Căn cứ kết quả khảo sát sinh cảnh, phỏng vấn người dân địa phương về sự phân bố của các loài chuột ở KVNC, lập các tuyến khảo sát điều tra và thu mẫu trong KVNC tương ứng với các vị trí trên thực địa như sau:

Bảng 2. Tọa độ các địa điểm thu mẫu trên thực địa

Địa điểm khảo sát		Địa điểm thu mẫu	Tọa độ trung tâm	
<i>Phường, xã</i>	<i>Độ cao (m)</i>	<i>Bản</i>	<i>Vĩ độ bắc (độ, phút, giây)</i>	<i>Kinh độ đông (độ, phút, giây)</i>
Tô hiệu	600	Bản Hèo	21 ⁰ 19'46"	103 ⁰ 54'43"
Chiềng Lè	600	Bản Lầu	21 ⁰ 20'39"	103 ⁰ 54'20"

		Tổ 11,12		
Quyết Thắng	600	Bản Giàng lác	21 ⁰ 19'44"	103 ⁰ 55'46"
Quyết Tâm	600	Tổ 5,6,7	21 ⁰ 18'28"	103 ⁰ 55'44"
Chiềng Sinh	650	Bản Noong la	21 ⁰ 16'56"	103 ⁰ 57'58"
		Bản Noong đúc		
Chiềng An	600	Bản Cang	21 ⁰ 20'50"	103 ⁰ 54'23"
		Bản Hìn		
Chiềng Cơi	600	Bản cọ	21 ⁰ 18'41"	103 ⁰ 54'37"
		Bản Nà cọ		
Chiềng Xôm	600	Bản Hùm	21 ⁰ 22'57"	103 ⁰ 55'49"
		Bản sảng		
Xã Hua La	650	Bản kham	21 ⁰ 16'49"	103 ⁰ 53'35"
		Bản co phung		
Xã Chiềng đen	620	Bản mòng	21 ⁰ 23'39"	103 ⁰ 51'23"
		Bản phiêng tam		
Xã Chiềng Cọ	660	Bản Pom Huốt	21 ⁰ 18'41"	103 ⁰ 50'41"
		Bản Hôm		
Xã Chiềng Ngần	778	Bản Pát	21 ⁰ 18'26"	103 ⁰ 58'56"

Mẫu vật được thu thập trong khoảng từ 5h00 - 7h30 và 19h00 - 22h30 hàng ngày, ngoài ra một số loài chuột kiếm ăn ban ngày cũng thu được mẫu. Các loài chuột thường được thu thập bằng các loại bẫy thông dụng như bẫy kẹp, bẫy đá, bắt bằng tay. Sau khi chụp ảnh, đo các chỉ số, mẫu vật được xử lý ban đầu ngay tại thực địa để tránh hỏng mẫu. Mẫu được định loại sơ bộ, ghi chép vào sổ thực địa, đeo nhãn và đưa về phòng thí nghiệm để tiếp tục xử lý và hoàn thành định loại^[7].

Định loại mẫu vật: theo khóa phân loại hình thái bên ngoài của Đào Văn Tiến (1985)^[13], *Định loại Chuột Việt Nam*; Đào Văn Tiến (1975)^[14], *Về các loài chuột thuộc nhóm Edwardsi - Sabanus (Rodentia: Muridae) ở Việt Nam*. Tham khảo *Khu hệ gặm nhấm Việt Nam và khóa phân loại chuột giống Rattus ở Việt Nam* của Cao Văn Sung (1992)^[10,11]; Boonsong et al. (1977)^[1], Đặng Huy Huỳnh và cộng sự (1994)^[5,6]. Sắp xếp và cập nhật tên giống, tên loài theo Corbet và Hill (1992)^[2], theo danh lục IUCN 2012.

Tên Việt Nam được gọi theo *danh mục các loài chuột Việt Nam* của Cao Văn Sung (1978)^[12], Đặng Ngọc Cần, Hideki Endo, Nguyễn Trường Sơn, Tatsuo Oshida, Lê Xuân Cảnh, Đặng Huy Phương, Darrin Peter Lunde, Shin-Ichiro Kawada, Akiko Hayashida, Motoki Sasaki, 2008, *Danh lục các loài thú hoang dã Việt Nam*. Shoukadoh Book Sellers, Japan, 400.

2. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

2.1. Thành phần loài chuột

Qua quan sát trực tiếp tại thực địa và từ kết quả phân tích 263 mẫu vật thu được, chúng tôi đã ghi nhận ở thành phố Sơn La có 14 loài và phân loài chuột thuộc 6 giống, 1 họ, 1 bộ (Gặm nhấm) (Bảng 3). Trong đó có 7 loài và phân loài bổ sung cho khu vực nghiên cứu, bao gồm: *Bandicota indica sonlaensis* Dao, 1975, *Berylmys phuyenensis* (*), *Leopoldamys*

edwarsi (Thomas, 1882), *Mus caroli* Bonhote, 1902, *Mus pahari* Thomas, 1916, *Niviventer fulvescens* Gray, 1847 và *Rattus nitidus* Hodgson, 1845.

Bảng 3. Danh sách các loài chuột ở khu vực nghiên cứu

STT	Tên khoa học	Tên Việt Nam	Số mẫu	Phân bố
	Rodentia	Bộ gặm nhấm		
	Muridae	Họ chuột		
	<i>Bandicota</i>	<i>Giống Bandicota</i>		
1	<i>Bandicota indica sonlaensis</i> Dao, 1975	Chuột dúi sơn la (K), Tô nu chú	04	1,2,3
	<i>Berylmys</i>	<i>Giống Berylmys</i>		
2	<i>Berylmys bowersi</i> Anderson, 1879	Chuột mốc lớn	19	1,3
3	<i>Berylmys phuyenensis</i> (*)	Chuột đàng phù yên (K), Tô nu đàng	05 (01-ST)	1
	<i>Leopoldamys</i>	<i>Giống Leopoldamys</i>		
4	<i>Leopoldamys sabanus</i> Thomas, 1887	Chuột núi (K), Tô nu vai	20	1,3
5	<i>Leopoldamys edwarsi</i> (Thomas, 1882)	Chuột vai (K), Tô nu vai	10	1,3
	<i>Mus</i>	<i>Giống Mus</i>		
6	<i>Mus musculus</i> Waterhouse, 1843	Chuột nhắt nhà (K), Nu moong hươn (T)	30	2,3
7	<i>Mus caroli</i> Bonhote, 1902	Chuột nhắt đồng (K), Tô nu na nọi	14	3,2
8	<i>Mus pahari</i> Thomas, 1916	Chuột nhắt núi (K), Tô nu hay	20	1
	<i>Niviventer</i>	<i>Giống Niviventer</i>		
9	<i>Niviventer confucianus</i> Milne-Edwards, 1872	Chuột không tử	22	1,3
10	<i>Niviventer fulvescens</i> Gray, 1847	Chuột hươu bé	42	1,3
	<i>Rattus</i>	<i>Giống Rattus</i>		
11	<i>Rattus rattus</i> Linnaeus, 1758	Chuột thường	50	2,3
12	<i>Rattus norvegicus</i> (Berkenhout, 1769)	Chuột cống (K), Tô nu hươn	10	2
13	<i>Rattus nitidus</i> Hodgson, 1845	Chuột bóng (K), Tô nu hươn	05	2,3
14	<i>Rattus remotus</i> Robinson & Kloss, 1914	Chuột rừng (K), Tô nu pá, tô nu khuy	12	1,3
		Tổng số	263	

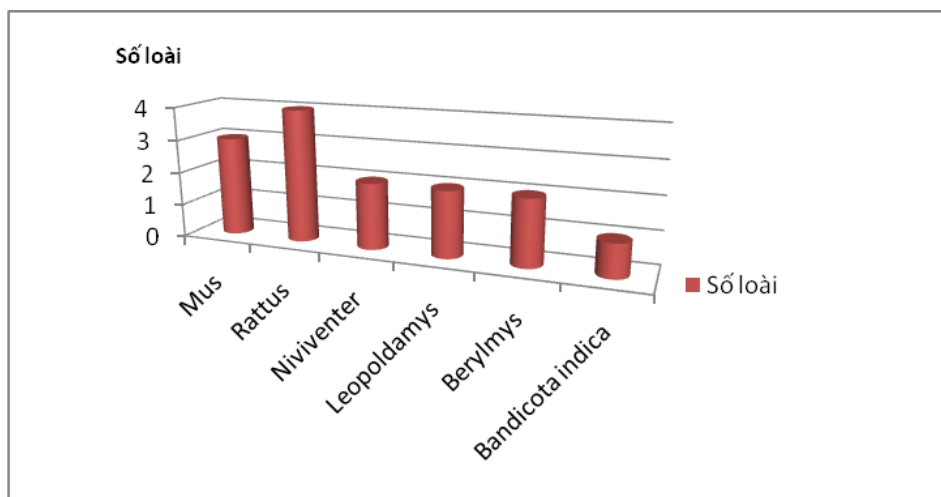
Ghi chú:

K- Tên phổ thông, T- Tên tiếng Thái

01-ST: mẫu lưu tại phòng thí nghiệm khoa Sinh - Hoá, trường ĐH Tây Bắc.

Nơi phân bố (sinh cảnh): 1. Rừng phục hồi; 2. Khu dân cư và đất trồng cây nông nghiệp; 3. Nương rẫy.

Đáng chú ý, ở khu vực nghiên cứu chúng tôi đã ghi nhận loài chuột *Bandicota indica sonlaensis* Dao, 1975 hiện nay rất hiếm gặp trong tự nhiên do người dân bẫy bắt làm thức ăn, kích thước và trọng lượng cơ thể lớn (có cá thể tới 1,5kg), có nguy cơ bị đe dọa rất cao. 16 loài và phân loài chuột còn lại đã thu được ở KVNC đều đã được công bố trong danh sách các loài thú tỉnh Sơn La của Phạm Văn Nhã (2007)^[9].



Hình 3: Đa dạng các loài trong giống chuột ở thành phố Sơn La

Về mức độ đa dạng loài theo các giống chuột, giống *Rattus* đa dạng nhất với 4 loài và phân loài (28,57%); tiếp theo là giống *Mus* ghi nhận được 3 loài (21,43%); giống *Niviventer*, giống *Leopoldamys* và giống *Berylmys* cùng ghi nhận được 2 loài (14,28%), giống *Bandicota indica* kém đa dạng nhất chỉ ghi nhận được 1 loài (7,14%) (Hình 3).

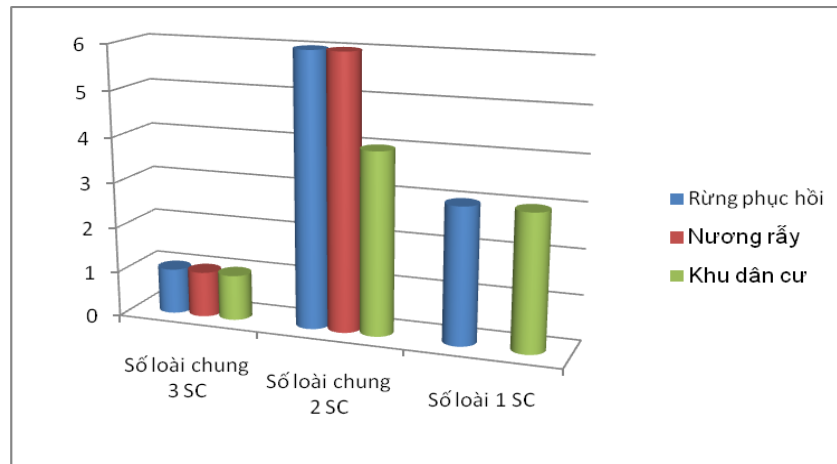
Ở thành phố Sơn La đã ghi nhận đại diện của 6 trên 11 giống đạt 54,55% (so với Việt Nam) và 6 trên 9 giống đạt 66,67% (so với tỉnh Sơn La); ghi nhận 14 trên 58 loài và phân loài, đạt 24,14% (so với Việt Nam) và 14 trên 20 loài và phân loài, đạt 70,0% (so với tỉnh Sơn La).

2.2. Phân bố các loài chuột theo dạng sinh cảnh

Dựa vào hiện trạng thảm thực vật và mức độ tác động của con người chúng tôi chia sinh cảnh ở thành phố Sơn La thành 3 loại: rừng phục hồi (bao gồm rừng phục hồi trên núi đá và rừng phục hồi trên núi đất), khu dân cư và đất trồng cây nông nghiệp, nương rẫy.

Sự phân bố của các loài chuột theo 3 dạng sinh cảnh thể hiện trong hình 4. Có 1 loài chuột phân bố rộng ở cả 3 dạng sinh cảnh (*Bandicota indica sonlaensis* Dao, 1975); 10 loài và phân loài phân bố ở 2 dạng sinh cảnh, trong đó có 4 loài phân bố ở sinh cảnh khu dân cư và đất trồng cây nông nghiệp, nương rẫy; 6 loài và phân loài phân bố ở sinh cảnh rừng phục hồi trên núi đá vôi và trên núi đất; chỉ có 3 loài phân bố hẹp hoặc chỉ ở khu dân cư, hoặc ở sinh cảnh rừng phục hồi.

Như vậy, số loài và phân loài chuột phân bố ở sinh cảnh rừng phục hồi trên núi đá vôi và trên núi đất chiếm tỉ lệ lớn nhất, vì sinh cảnh này có thảm thực vật tốt, ít bị tác động bởi các hoạt động của con người, mặt khác rừng này chủ yếu trên núi đá vôi nên hang hốc là nơi cư ngụ của nhiều loài chuột.



Hình 4: Phân bố các loài chuột theo sinh cảnh ở thành phố Sơn La

KẾT LUẬN

Đã ghi nhận 14 loài và phân loài thuộc 6 giống, họ chuột (Muridae), bộ Gặm nhấm (Rodentia). Bổ sung thêm 07 loài và phân loài cho nghiên cứu trước đây về họ chuột ở thành phố Sơn La.

Số loài chuột phân bố ở sinh cảnh rừng phục hồi trên núi đá vôi cao có 9 loài và phân loài, tiếp theo là sinh cảnh khu dân cư và đất trồng cây nông nghiệp có 11 loài và phân loài, nương rẫy có 12 loài và phân loài cùng phân bố, 3 loài phân bố hẹp hoặc chỉ ở khu dân cư, hoặc ở sinh cảnh rừng phục hồi, chỉ có 1 loài chuột phân bố rộng ở cả 3 dạng sinh cảnh.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Boonsong, L.ekagul, Jeffrey, A.Mc Neely (1977), Mammals of Thailand. Bangkok, 724p.
- [2] Corbet, G.B. and J.B. Hill (1992), The mammals of Indomalayan region: A systematic review. Oxford University Press: 117 - 156 p.
- [3] Nguyễn Đức Dũng, Bùi Đức Hà, Bùi Văn Xương, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Trường ĐH Tây bắc (2008), Góp phần vào công tác nghiên cứu thành phần loài họ chuột (Muridae) ở xã Chiềng Ngần, thị xã Sơn La.
- [4] Vũ Thị Êm (2010), “Tìm hiểu sự phân bố của nhóm chuột bukit ở các sinh cảnh thuộc xã Chiềng Bôm, huyện Thuận Châu, Tỉnh Sơn La”. Khóa luận tốt nghiệp.
- [5] Đặng Huy Huỳnh (chủ biên), Đào Văn Tiến, Cao Văn Sung, Phạm Trọng Ảnh, Hoàng Minh Khiên (1994), Danh lục các loài thú (Mammalia) Việt Nam. Nxb khoa học và kỹ thuật, tr. 130 - 154.
- [6] Đặng Huy Huỳnh và Cs (1995), “Một số kết quả nghiên cứu sự đa dạng sinh vật ở hệ sinh thái rừng nghèo kiệt Chiềng Sinh - Sơn La”, Đề tài KT.02.08: báo cáo chuyên đề, Viện Sinh thái và Tài nguyên Sinh vật, Hà Nội, trang 1 - 27.
- [7] Ernst Mayr (1974), Những nguyên tắc phân loại động vật. NXB KH&KT Hà Nội.
- [8] Bạc Cầm May (2010), “Tìm hiểu sự phân bố của loài chuột *Bandicota indica sonlaensis* ở các sinh cảnh thuộc xã Chiềng Bôm, huyện Thuận Châu, Tỉnh Sơn La”. Khóa luận tốt nghiệp.
- [9] Phạm Văn Nhã (2007), “Danh sách các loài thú tỉnh Sơn La”. Tạp chí khoa học số 1, Tr. 116-125.
- [10] Cao Văn Sung (1992), Phân loại và tiến hóa các loài chuột giống *Rattus* ở Việt Nam. Tạp

- chí sinh học, số 2, Tr. 1-8.
- [11] Cao Văn Sung (1978), Khu hệ gặm nhấm Việt Nam. Báo cáo nghiên cứu khoa học sinh vật học, tr. 131-139.
- [12] Sơn La map (2018), Bản đồ thành phố Sơn La. maps.google.com.
- [13] Đào Văn Tiến (1985), Định loại Chuột Việt Nam, phần I. Tạp chí Sinh Học, tập 7, số 1, Tr. 9-14. Đào Văn Tiến (1975), Về các loài chuột thuộc nhóm Edwardsi - Sabanus (rodentia: Muridae) ở Việt Nam. Tập san Sinh vật - Địa học, Hà nội, Tr. 21-27.
- [14] Thái Văn Trùng (1972), Thảm thực vật rừng Việt Nam. Nxb KH & KT, Hà Nội, trang 153 - 259.
- [15] UBND Tỉnh Sơn La (2017), Báo cáo Tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh 9 tháng đầu năm; nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm 3 tháng cuối năm 2017.
- [16] <https://text.123doc.org/document/431637-de-tai-nghien-cuu-chuot-o-thi-xa-son-la.htm>.
- [17] <https://text.xemtailieu.com/tai-lieu/nghien-cuu-tinh-da-dang-va-hien-trang-cua-cac-loai-thu-ho-chuot-muridae-o-thanh-pho-son-la-tinh-son-la-1853934.html>.

SPECIES COMPOSITION OF MURIDAE RAT FAMILY IN SON LA CITY

Pham Van Nha¹, Doan Khanh Duy²

¹*Tay Bac University*

²*To Hieu High School, Son La Province*

Abstract: *As a result of our 14 field surveys in 23 villages of 5 communes and 7 wards in Son La city from December 2016 to November 2017, we recorded 263 specimens of 13 species and subspecies of the 6 Muridae (Rodentia) rat families, adding 03 species and subspecies to the previous study of the rat families in Son La City. Remarkably, there are some rare species such as *Bandicota indica sonlaensis*, *B. phuyenensis* (*). In addition, we also provide some characteristics of distribution according to habitat of rats in this area.*

Keywords: *Diversity, distribution, rat, Son La city.*